

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ LỘC VIỆT**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

**Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2021**

Hà Nội – Tháng 08 năm 2021



## MỤC LỤC

<b>NỘI DUNG</b>	<b>Trang</b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 – 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4 – 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	6 – 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	10
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ	11
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	12 – 31

019  
CÔNG  
TNI  
KIỂM  
PA VIE  
CHI N  
MIEM  
HỒ HÀ

## CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ LỘC VIỆT

Số 01 phố Bà Triệu, Hoàn Kiếm, Hà Nội

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Quản lý quỹ Lộc Việt (dưới đây được gọi là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2021.

#### CÔNG TY

Công ty cổ phần quản lý quỹ Lộc Việt là một công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 26/UBCK – GP do Ủy ban chứng khoán Nhà nước Việt Nam cấp ngày 06/11/2007. Trong quá trình hoạt động, các thay đổi về địa chỉ của trụ sở chính; thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty cũng đã được Ủy ban chứng khoán Nhà nước Việt Nam phê duyệt tại Giấy phép điều chỉnh số 101/UBCK – GP ngày 13/12/2018.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy phép điều chỉnh số 101/UBCK – GP ngày 13/12/2018 là 25.000.000.000 đồng (Hai mươi lăm tỷ đồng).

Hoạt động chính trong kỳ tài chính của Công ty là: *Quản lý danh mục đầu tư chứng khoán và đầu tư chứng khoán tự doanh.*

Công ty có trụ sở tại tầng 2, số 1 phố Bà Triệu, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

#### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành hoạt động của Công ty trong suốt kỳ và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

##### Hội đồng quản trị

Ông Nguyễn Hữu Chương	Chủ tịch
Ông Phan Minh Hoàn	Ủy viên
Ông Phan Vũ Tuấn	Ủy viên

##### Ban kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Hồng Lan	Trưởng ban
------------------------	------------

##### Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Quang Vinh	Tổng Giám đốc
-----------------------	---------------

#### CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỶ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2021.

#### KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2021 của Công ty được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Chi nhánh Miền Bắc.



## CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ LỘC VIỆT

Địa chỉ: Tầng 2, số 1 phố Bà Triệu, Hoàn Kiếm, Hà Nội

### BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

#### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính và đảm bảo báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính tại ngày 30/06/2021 cũng như kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải::

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu so với các chuẩn mực này được trình bày và giải thích trong các Báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận;

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán áp dụng cho công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ. Do Công ty bị đình chỉ hoạt động từ ngày 04/9/2019 đến ngày 03/03/2020 nên báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty đang lập trên cơ sở giả định hoạt động không liên tục.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Quang Vinh  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 16 tháng 08 năm 2021

7-002  
M.S.C  
THA

Số: 54 /2021/BCSX – CPAMB1

## BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ LỘC VIỆT**

Chúng tôi thực hiện công việc soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty cổ phần Quản lý quỹ Lộc Việt, được lập ngày 16/08/2021 từ trang 06 đến trang 31, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30/06/2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo tình hình biến động của vốn chủ sở hữu giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán áp dụng cho công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về hệ thống kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả của soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo các chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của Công ty thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cổ phần Quản lý quỹ Lộc Việt đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2021 và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán áp dụng cho công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

IN-016  
CỘNG  
HÒA  
KIỂM  
TOÁN  
CPA VI  
CHI  
MIỀN  
BẮC

**Vấn đề cần nhấn mạnh**

Không nhằm mục đích phủ nhận ý kiến của kiểm toán viên nêu trên, chúng tôi chỉ muốn lưu ý người đọc đến Cơ sở lập báo cáo tài chính tại mục III – Thuyết minh báo cáo tài chính: Theo quyết định số 676/QĐ – UBCK của Ủy ban chứng khoán Nhà nước ngày 04/9/2020, Công ty cổ phần Quản lý quỹ Lộc Việt bị đình chỉ hoạt động do Công ty không đáp ứng điều kiện quy định về chỉ tiêu an toàn tài chính theo quy định tại điểm b, khoản 1 Điều 70 Luật chứng khoán ngày 29/6/2006; khoản 5 Điều 16 Thông tư số 87/2017/TT – BTC ngày 15/8/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính và điểm b khoản 8, khoản 9 Điều 15 Thông tư số 212/2012/TT – BTC ngày 05/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về thành lập, tổ chức và hoạt động công ty quản lý quỹ. Thời hạn đình chỉ hoạt động của Công ty từ ngày 04/9/2019 đến ngày 03/03/2020. Nhằm khắc phục tình trạng trên, Công ty đã thống nhất việc tăng vốn điều lệ từ 25 tỷ lên 50 tỷ theo phương án phát hành riêng lẻ cho cổ đông hiện hữu. Hồ sơ tăng vốn đã được gửi theo công văn số 03/CV – LC ngày 03/03/2020 và hồ sơ tăng vốn ngày 9/2/2021 gửi Ủy ban chứng khoán Nhà nước. Hiện nay Ủy ban chứng khoán Nhà nước đang xem xét phê duyệt. Do đó, báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2021 của Công ty đang được lập trên cơ sở giả định hoạt động không liên tục.

Công ty sử dụng giả định hoạt động không liên tục để lập báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2021 và Công ty đã đánh giá giá trị hợp lý của các khoản mục khác (tiền, các khoản đầu tư, phải thu và phải trả) nhưng chưa thực hiện đánh giá lại giá trị hợp lý đối với các tài sản cố định do Ban Giám đốc Công ty tin tưởng sẽ tiếp tục hoạt động sau khi có ý kiến chính thức của Ủy ban chứng khoán.



Nguyễn Thị Hồng Liên

Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0445-2018-137-1

Thay mặt và đại diện

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM – CHI NHÁNH MIỀN BẮC**

Hà Nội ngày 16 tháng 08 năm 2021



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	30/06/2021	01/01/2021
<b>A. TÀI SẢN</b>	<b>100</b>		<b>15.857.644.768</b>	<b>15.891.115.996</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	5.1	<b>1.204.250.051</b>	<b>2.587.052.140</b>
1. Tiền	111		104.250.051	2.587.052.140
2. Các khoản tương đương tiền	112		1.100.000.000	-
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính</b>	<b>120</b>	5.3	<b>7.452.962.376</b>	<b>6.651.587.501</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		3.652.962.376	2.851.587.501
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	122		3.800.000.000	3.800.000.000
3. Đầu tư vào công ty con	123		-	-
4. Đầu tư vào công ty liên doanh liên kết	124		-	-
5. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	125		-	-
<b>III. Các khoản phải thu</b>	<b>130</b>		<b>7.107.477.976</b>	<b>6.559.521.990</b>
1. Phải thu khách hàng	131		-	-
2. Trả trước cho người bán	132		-	-
3. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	133		-	-
4. Phải thu nội bộ	134		-	-
5. Phải thu hoạt động nghiệp vụ	135	5.4	6.518.710.757	6.518.710.757
6. Các khoản phải thu khác	137	5.5	588.767.219	40.811.233
7. Tài sản thiếu chờ xử lý	138		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		-	-
<b>V. Tài sản cố định</b>	<b>150</b>		-	-
1. Tài sản cố định hữu hình	151	5.7	-	-
- Nguyên giá	222		3.395.156.629	3.395.156.629
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(3.395.156.629)	(3.395.156.629)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	152		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	153	5.8	-	-
- Nguyên giá	228		2.345.000.000	2.345.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(2.345.000.000)	(2.345.000.000)
<b>VI. Bất động sản đầu tư</b>	<b>160</b>		-	-
<b>VII. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang</b>	<b>170</b>		-	-
<b>VIII. Tài sản khác</b>	<b>180</b>		<b>92.954.365</b>	<b>92.954.365</b>
1. Chi phí trả trước	181	5.2.1	12.500.000	12.500.000
2. Thuế GTGT được khấu trừ	182		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	183	5.6	80.454.365	80.454.365
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	184		-	-
5. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	185		-	-
6. Tài sản khác	186		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>15.857.644.768</b>	<b>15.891.115.996</b>

M  
A  
A7  
Hc  
91M.S.C  
THANH  
17-002  
NAM

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021

(Tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	30/06/2021	01/01/2021
<b>B. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>2.704.210.285</b>	<b>3.197.956.887</b>
1. Phải trả người bán	311		-	-
2. Người mua trả tiền trước	312		-	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.9	28.606.600	22.406.600
4. Phải trả người lao động	314		-	991.060.551
5. Chi phí phải trả	315	5.10	785.753.542	778.074.713
6. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh			-	-
7. Phải trả nội bộ khác	316		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	318		-	-
9. Phải trả khác	319	5.11	1.889.850.143	1.406.415.023
10. Vay và nợ thuê tài chính	320		-	-
11. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
12. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
13. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
14. Dự phòng phải trả	321		-	-
15. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	-
16. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-
17. Quỹ dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư	359		-	-
18. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>C. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>13.153.434.483</b>	<b>12.693.159.109</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>13.153.434.483</b>	<b>12.693.159.109</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		25.000.000.000	25.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
7. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
8. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
9. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(11.846.565.517)	(12.306.840.891)
10. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>15.857.644.768</b>	<b>15.891.115.996</b>

010  
CÔNG  
T.N  
KIỂM  
- CPA VIỆT  
CHI N  
MIỄN  
- THO HÀ



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021

(Tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	30/06/2021	01/01/2021
1. Tài sản cố định thuê ngoài	001		-	-
2. Vật tư, chứng chỉ có giá nhận giữ hộ	002		-	-
3. Tài sản nhận ký cược	003		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý	004		-	-
5. Ngoại tệ các loại	005		-	-
6. Chứng chỉ lưu ký của công ty quản lý quỹ	006		3.652.962.376	2.851.587.501
Trong đó:				
6.1 Chứng khoán giao dịch	007		3.652.962.376	2.851.587.501
6.2 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	008		-	-
6.3 Chứng khoán cầm cố	009		-	-
6.4 Chứng khoán tạm giữ	010		-	-
6.5 Chứng khoán chờ thanh toán	011		-	-
6.6 Chứng khoán phong tỏa chờ rút	012		-	-
6.7 Chứng khoán chờ giao dịch	013		-	-
6.8 Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay	014		-	-
6.9 Chứng khoán sửa lỗi giao dịch	015		-	-
7. Chứng khoán chưa lưu ký của Công ty quản lý quỹ	020		-	-
8. Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác	030	V.12	22.899.377.612	22.893.307.314
- Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác trong nước	031		22.899.377.612	22.893.307.314
- Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác nước ngoài	032		-	-
9. Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác	040	V.13	39.340.730.348	209.224.120.471
9.1 Nhà đầu tư ủy thác trong nước	041	V.13.1	39.340.730.348	209.224.120.471
9.2 Nhà đầu tư ủy thác nước ngoài	042		-	-
10. Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác	050	V.14	11.254.659.183	11.259.808.605
11. Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác	051	V.15	13.171.611.577	12.663.583.115

Hà Nội, ngày 16 tháng 08 năm 2021



Nguyễn Kim Cẩm Vân

Người lập



Nguyễn Kim Cẩm Vân

Kế toán trưởng



 Nguyễn Quang Vinh

Tổng Giám đốc

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2021
1. Doanh thu	01		-
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-
<b>3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh</b>	<b>10</b>		-
4. Chi phí hoạt động kinh doanh, giá vốn hàng bán	11	6.1	127.990.714
<b>5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(127.990.714)</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.2	767.835.375
7. Chi phí tài chính	22	6.3	(112.155.842)
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		292.365.129
<b>9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>459.635.374</b>
10. Thu nhập khác	31		640.000
11. Chi phí khác	32		-
<b>12. Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>640.000</b>
<b>13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>460.275.374</b>
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.4	-
15. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-
<b>16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>460.275.374</b>
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.5	184,11

Hà Nội, ngày 16 tháng 08 năm 2021



Nguyễn Kim Cẩm Vân  
Người lập



Nguyễn Kim Cẩm Vân  
Kế toán trưởng



Nguyễn Quang Vinh  
Tổng Giám đốc

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ***Theo phương pháp gián tiếp*

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2021
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>		
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>460.275.374</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>		
- Khấu hao tài sản cố định	02	-
- Các khoản dự phòng	03	(371.767.359)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(336.626.731)
- Chi phí lãi vay	06	-
- Các điều chỉnh khác	07	-
<b>3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>(248.118.716)</b>
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(545.644.753)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	-
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11	(493.746.602)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	-
- Tiền lãi vay đã trả	13	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(1.287.510.071)</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>		
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(12.299.678.426)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24	11.870.070.910
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	334.315.498
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(95.292.018)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>		
1. Tiền thu từ phát hành CP, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>-</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ</b>	<b>50</b>	<b>(1.382.802.089)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>2.587.052.140</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>1.204.250.051</b>

Hà Nội, ngày 16 tháng 08 năm 2021



Nguyễn Kim Cẩm Vân



Nguyễn Kim Cẩm Vân



Nguyễn Quang Vinh

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ LỘC VIỆT**

01 Bà Triệu, Hoàn Kiếm, Hà Nội

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU GIỮA NIÊN ĐỘ**

0 kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2021

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Số dư đầu kỳ		Số tăng/ giảm		Số dư cuối kỳ				
	Thuyết minh	Năm trước	Kỳ này	Năm trước		Kỳ này			
				Tăng	Giảm				
A	B	I	2	3	4	5	6	7	8
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		25.000.000.000	25.000.000.000	-	-	-	-	25.000.000.000	25.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần		-	-	-	-	-	-	-	-
Vốn khác của chủ sở hữu		-	-	-	-	-	-	-	-
Cổ phiếu quỹ		-	-	-	-	-	-	-	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản		-	-	-	-	-	-	-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	-	-	-	-	-	-	-
Quỹ đầu tư phát triển		-	-	-	-	-	-	-	-
Quỹ dự phòng tài chính		-	-	-	-	-	-	-	-
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		-	-	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận chưa phân phối		(14.328.914.663)	(12.306.840.891)	2.022.073.772	-	460.275.374	-	(12.306.840.891)	(11.846.565.517)
<b>Tổng cộng</b>		<b>10.671.085.337</b>	<b>12.693.159.109</b>	<b>2.022.073.772</b>	<b>-</b>	<b>460.275.374</b>	<b>-</b>	<b>12.693.159.109</b>	<b>13.153.434.483</b>

Hà Nội, ngày 16 tháng 08 năm 2021



*Nguyễn Kim Cẩm Vân*

Nguyễn Kim Cẩm Vân  
Người lập

*Nguyễn Kim Cẩm Vân*

Nguyễn Kim Cẩm Vân  
Kế toán trưởng

Nguyễn Quang Vinh  
Tổng Giám đốc

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2021

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Công ty cổ phần quản lý quỹ Lộc Việt là một công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 26/UBCK – GP do Ủy ban chứng khoán Nhà nước Việt Nam cấp ngày 06/11/2007. Trong quá trình hoạt động, các thay đổi về địa chỉ của trụ sở chính; thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty cũng đã được Ủy ban chứng khoán Nhà nước Việt Nam phê duyệt tại Giấy phép điều chỉnh số 101/UBCK – GP ngày 13/12/2018.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy phép điều chỉnh số 101/UBCK – GP ngày 13/12/2018 là 25.000.000.000 đồng (Hai mươi lăm tỷ đồng).

Công ty có trụ sở tại tầng 2, số 1 phố Bà Triệu, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Đến ngày 30/06/2021, tổng số cán bộ nhân viên hiện đang làm việc tại Công ty là 07 người (Tại thời điểm 31/12/2020, tổng số cán bộ nhân viên là 07 người).

Trong đó số nhân viên được cấp chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ là 07 người, bao gồm:

<i>Họ và tên</i>	<i>Số chứng chỉ</i>	<i>Ngày cấp</i>	<i>Vị trí công tác</i>
Ông Nguyễn Quang Vinh	00181	01/04/2009	Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Kim Cẩm Vân	00067	27/02/2009	Kế toán trưởng
Bà Lê Vũ Hà	00766	10/10/2012	Giám đốc văn phòng
Bà Trần Thị Thu Hương	00033	04/02/2009	Bộ phận đầu tư
Ông Nguyễn Ngọc Long	00059	27/02/2009	Bộ phận đầu tư cổ phiếu
Bà Ngô Thị Vân	00346	17/06/2009	Kiểm soát nội bộ
Ông Vũ Duy Đông	001065	14/01/2014	Bộ phận Phân tích

**1.2 Ngành nghề kinh doanh**

- *Lập và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán;*
- *Quản lý danh mục đầu tư chứng khoán.*

**1.3 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính:**

Do Công ty đang bị đình chỉ hoạt động từ ngày 04/9/2019 đến ngày 03/03/2020 theo quyết định số 676/QĐ – UBCK của Ủy ban chứng khoán Nhà nước ngày 04/9/2019 và đến thời điểm hiện tại chưa có văn bản bổ sung của Ủy ban chứng khoán chấp thuận cho việc tiếp tục hoạt động của Công ty; Báo cáo tài chính giữa niên độ kết thúc ngày 30/06/2021 được lập trên cơ sở giả định hoạt động không liên tục.

**2. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN****2.1 Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty được lập cho kỳ kế toán 6 tháng từ ngày 01/01 đến ngày 30/06.

**2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2021

### 3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 3.1 Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng Chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT - BTC ngày 05/09/2011 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành về việc hướng dẫn kế toán đối với công ty quản lý quỹ và các văn bản sửa đổi, bổ sung chế độ kế toán có liên quan.

#### 3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán:

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ này.

### 4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ:

#### 4.1 Cơ sở lập báo cáo tài chính:

Báo cáo tài chính được lập bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

#### Giả định về khả năng hoạt động liên tục

Do Công ty đang bị đình chỉ hoạt động từ ngày 04/9/2019 đến ngày 03/03/2020 theo quyết định số 676/QĐ – UBCK của Ủy ban chứng khoán Nhà nước ngày 04/9/2019 và đến thời điểm hiện tại chưa có văn bản bổ sung của Ủy ban chứng khoán chấp thuận cho việc tiếp tục hoạt động của Công ty; Báo cáo tài chính giữa niên độ kết thúc ngày 30/06/2021 được lập trên cơ sở giả định hoạt động không liên tục.

**Hình thức sổ kế toán áp dụng:** Phần mềm trên máy vi tính.

#### Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc nhưng số liệu thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

#### Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

#### Các khoản đầu tư ngắn hạn

Đầu tư ngắn hạn của Công ty bao gồm đầu tư chứng khoán kinh doanh và đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn.

1/1  
1:  
00  
N  
/

W-OTC  
CÔN  
TN  
KIỂM  
GPA VI  
CHI  
MIẾ  
PHÓ H

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2021

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)****Các khoản đầu tư ngắn hạn (Tiếp theo)**Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 3 tháng.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh được xác định giá trị ban đầu theo giá mua cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua (giá gốc) trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư. Chứng khoán kinh doanh là các chứng khoán được nắm giữ với mục đích kinh doanh mua bán trong ngắn hạn. Dự phòng được lập khi giá trị của các khoản đầu tư đang ghi nhận trên sổ kế toán cao hơn giá trị thị trường hoặc phát sinh sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Tuy nhiên do Công ty đang bị đình chỉ hoạt động nên khoản dự phòng giảm giá đầu tư được giảm trừ trực tiếp vào giá trị của khoản đầu tư.

Giá trị thị trường được sử dụng để trích lập dự phòng giảm giá cho các khoản đầu tư chứng khoán được xác định như sau:

Đối với các chứng khoán đã niêm yết (bao gồm cả cổ phiếu, chứng chỉ quỹ, chứng khoán phái sinh, chứng quyền có đảm bảo đã niêm yết), là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến thời điểm lập báo cáo tài chính năm. Trường hợp chứng khoán đã niêm yết trên thị trường không có giao dịch trong vòng 30 ngày trước ngày trích lập dự phòng hoặc chứng khoán bị hủy niêm yết tại ngày trích lập dự phòng thì Công ty xác định mức trích dự phòng cho từng khoản đầu tư chứng khoán theo công thức như sau:

Mức trích dự phòng cho từng khoản đầu tư	=	Tỷ lệ sở hữu vốn dự phòng điều lệ thực góp (%) của doanh nghiệp tại tổ chức kinh tế nhận vốn góp tại thời điểm trích lập dự phòng	x	Vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu ở tổ chức kinh tế nhận vốn góp tại thời điểm trích lập dự phòng	-	Vốn chủ sở hữu của tổ chức kinh tế nhận vốn góp tại thời điểm trích lập dự phòng
--	---	---	---	---	---	--

- Đối với các chứng khoán đăng ký giao dịch (cổ phiếu đăng ký giao dịch tại UPCOM), là giá tham chiếu bình quân trong vòng 30 ngày giao dịch liền kề gần nhất trước thời điểm lập báo cáo tài chính năm do Sở giao dịch chứng khoán công bố. Trường hợp cổ phiếu không có giao dịch trong vòng 30 ngày trước thời điểm lập báo cáo tài chính thì Công ty xác định mức trích dự phòng cho từng khoản đầu tư chứng khoán theo công thức nêu trên.

Đối với chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch, thì Công ty xác định mức trích dự phòng cho từng khoản đầu tư chứng khoán theo công thức nêu trên.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2021

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)****Các khoản phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính là các khoản phải thu ngắn hạn. Các khoản phải thu được đánh giá lại trên báo cáo tài chính theo giá trị thực tế có thể thu hồi.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định (TSCĐ) hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa TSCĐ vào trạng thái sẵn sàng hoạt động. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Các chi phí phát sinh sau khi TSCĐ đã đưa vào hoạt động như chi phí bảo trì, sửa chữa được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ tại thời điểm phát sinh. Trong trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được do việc sử dụng TSCĐ vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu thì chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của TSCĐ.

Khi TSCĐ hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ khỏi Bảng cân đối kế toán và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý TSCĐ đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản cố định được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của từng nhóm tài sản cố định, cụ thể như sau:

<i>Tài sản</i>	<i>Thời gian khấu hao</i>
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 năm
Phương tiện vận tải	06 năm

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao tài sản cố định**

Tài sản cố định vô hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

**Phần mềm vi tính**

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm giá trị phần mềm kế toán và phần mềm đầu tư chứng khoán mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 03 - 05 năm.

**Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước trên bảng cân đối kế toán bao gồm chi phí trả trước ngắn hạn được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này. Chi phí trả trước dài hạn được phân loại thành chi phí trả trước ngắn hạn khi trình bày trên báo cáo tài chính.

Chi phí trả trước còn lại trên bảng cân đối kế toán tại ngày 30/06/2021 là chi phí thuê văn phòng tháng 07/2021.





## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2021

### 4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

#### Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm giá trị các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Đến thời điểm thực chi, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí phần chênh lệch với số đã trích (nếu có). Chi phí phải trả tại ngày kết thúc kỳ kế toán là khoản chi phí lưu ký phải trả.

#### Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Lợi nhuận chưa phân phối trên bảng cân đối kế toán tại ngày 30/06/2021 là số lãi phát sinh từ hoạt động kinh doanh trong kỳ và số lỗ lũy kế từ các năm trước.

#### Doanh thu

##### Doanh thu hoạt động kinh doanh

Doanh thu hoạt động kinh doanh bao gồm doanh thu từ hoạt động quản lý danh mục đầu tư chứng khoán được ghi nhận trên cơ sở hợp đồng ký kết và giá trị giao dịch thực tế đã thực hiện.

*Trong kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2021, Công ty không ghi nhận doanh thu từ phí quản lý danh mục đầu tư do bị đình chỉ hoạt động.*

##### Doanh thu khác

Doanh thu khác bao gồm lãi tiền gửi và lãi từ kinh doanh chứng khoán. Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn. Lãi từ kinh doanh chứng khoán được ghi nhận theo thực tế phát sinh.

#### Thuế

##### Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập hiện hành của doanh nghiệp được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành (20%).

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

#### Các công cụ tài chính

##### Ghi nhận ban đầu và trình bày

##### Tài sản tài chính

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành hoặc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính bao gồm tiền mặt, các khoản tiền gửi tại các tổ chức tín dụng, các khoản phải thu từ hoạt động nghiệp vụ và phải thu khác, các tài sản tài chính khác.

8  
- 010  
CÔNG  
TÂN  
KIỂM  
GPA VI  
CHI  
MIẾ  
THO H

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2021

### 4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

#### Các công cụ tài chính (Tiếp theo)

##### Ghi nhận ban đầu và trình bày

##### Nợ phải trả tài chính

Các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả khác và chi phí phải trả.

##### Giá trị sau ghi nhận lần đầu

Hiện tại, Thông tư 210 chưa có quy định về đánh giá lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu. Do đó giá trị sau ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính được phản ánh theo nguyên giá.

##### Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên báo cáo tài chính nếu và chỉ nếu đơn vị có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

19/7/21  
3 TY  
HH  
TOÁN  
T NAM  
HÀNH  
BẮC  
NỘI-V

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2021

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Các chỉ tiêu được trình bày theo đơn vị tính là đồng Việt Nam (VND).

**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>30/06/2021</u>	<u>01/01/2021</u>
Tiền mặt tại quỹ	41.015	41.015
Tiền gửi ngân hàng	104.209.036	2.587.011.125
Các khoản tương đương tiền (i)	1.100.000.000	-
<b>Tổng</b>	<b><u>1.204.250.051</u></b>	<b><u>2.587.052.140</u></b>

(i) Số dư các khoản tương đương tiền tại ngày 30/06/2021 bao gồm:

	<u>Lãi suất (năm)</u>	<u>VND</u>
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - CN Hàng Trống		1.100.000.000
+ Hợp đồng tiền gửi số 0136/260621/HĐTG/SHB.111801 kỳ hạn 01 tháng	3,20%	1.100.000.000
<b>Tổng</b>		<b><u>1.100.000.000</u></b>

**5.2 Chi phí trả trước****5.2.1 Chi phí trả trước**

	<u>30/06/2021</u>	<u>01/01/2021</u>
+ Chi phí thuê văn phòng	12.500.000	12.500.000
<b>Tổng</b>	<b><u>12.500.000</u></b>	<b><u>12.500.000</u></b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ LỘC VIỆT**

Số 01 Bà Triệu, Hoàn Kiếm, Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2021

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

**5.3 Các khoản đầu tư tài chính**

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá đánh giá lại	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc
Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn	3.652.962.376	3.652.966.450	2.851.587.501	3.223.354.860
+ Đầu tư vào cổ phiếu niêm yết	3.652.962.376	3.652.966.450	2.851.587.501	3.223.354.860
CTG: Cổ phiếu của NH TMCP Công thương VN	-	-	1.399.275.000	1.439.991.000
HAG: Cổ phiếu của Công ty cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	-	-	1.050.000.000	1.205.706.748
LDG: Cổ phiếu của Công ty cổ phần đầu tư LDG	367.000	506.750	402.312.501	577.657.112
PHP: Công ty cổ phần cảng Hải Phòng	623.700.000	643.383.000	-	-
CSV: Công ty cổ phần Hóa chất cơ bản Miền Nam	323.010.000	331.113.000	-	-
PLP: Công ty sản xuất và công nghệ nhựa Pha Lê	981.000.000	919.980.000	-	-
TCB: Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	110.670.000	107.880.000	-	-
VIX: Công ty cổ phần chứng khoán VIX	1.614.215.376	1.650.103.700	-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	3.800.000.000	3.800.000.000	3.800.000.000	3.800.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng ĐT& PTVN - CN Tràng An (kỳ hạn 6 tháng)	3.800.000.000	3.800.000.000	3.800.000.000	3.800.000.000
<b>Giá trị thuần của đầu tư tài chính</b>	<b>7.452.962.376</b>	<b>7.452.966.450</b>	<b>6.651.587.501</b>	<b>7.023.354.860</b>

Giá trị đánh giá lại của các cổ phiếu niêm yết là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến thời điểm lập báo cáo tài chính.

**5.4 Các khoản phải thu hoạt động nghiệp vụ**

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá đánh giá lại	Giá gốc	Giá đánh giá lại	Giá gốc
Phải thu hoạt động quản lý danh mục đầu tư	6.518.710.757	6.518.710.757	6.518.710.757	6.518.710.757
+ Phải thu Cty CP ĐT& TM Thạch Hà	1.057.291.673	1.057.291.673	1.057.291.673	1.057.291.673
+ Phải thu ngân hàng DB sông Cửu Long	5.398.791.889	5.398.791.889	5.398.791.889	5.398.791.889
+ Phải thu Vũ Quang Minh	62.627.195	62.627.195	62.627.195	62.627.195
<b>Tổng</b>	<b>6.518.710.757</b>	<b>6.518.710.757</b>	<b>6.518.710.757</b>	<b>6.518.710.757</b>

Giá trị đánh giá lại các khoản phải thu hoạt động nghiệp vụ là giá trị có thể thu hồi do Công ty còn đang nắm giữ vốn đầu tư ủy thác của nhà đầu tư nên các khoản phải thu sẽ thu hồi khi tất toán các khoản vốn ủy thác.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2021

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

**5.5 Các khoản phải thu ngắn hạn khác**

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá đánh giá lại	Giá gốc	Giá đánh giá lại	Giá gốc
Phải thu khác	588.767.219	588.767.219	40.811.233	40.811.233
+ Dự thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	2.408.219	2.408.219	2.311.233	2.311.233
+ Kỳ quỹ thuế vân phòng	37.500.000	37.500.000	37.500.000	37.500.000
+ Phải thu khác	548.859.000	548.859.000	1.000.000	1.000.000
<b>Tổng</b>	<b>588.767.219</b>	<b>588.767.219</b>	<b>40.811.233</b>	<b>40.811.233</b>

Giá trị đánh giá lại các khoản phải thu hoạt động nghiệp vụ là giá trị có thể thu hồi.

**5.6 Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước**

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá đánh giá lại	Giá gốc	Giá đánh giá lại	Giá gốc
Thuế TNDN nộp thừa	80.454.365	80.454.365	80.454.365	80.454.365
<b>Tổng</b>	<b>80.454.365</b>	<b>80.454.365</b>	<b>80.454.365</b>	<b>121.265.598</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2021

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)****5.7 Tăng giảm tài sản cố định hữu hình**

	<i>Phương tiện vận tải</i>	<i>Thiết bị dụng cụ quản lý</i>	<i>Tổng cộng</i>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Tại ngày 01/01/2021	2.529.285.000	865.871.629	3.395.156.629
Mua trong kỳ	-	-	-
Tặng khác	-	-	-
Thanh lý nhượng bán	-	-	-
Giảm khác	-	-	-
<b>Tại ngày 30/06/2021</b>	<b>2.529.285.000</b>	<b>865.871.629</b>	<b>3.395.156.629</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Tại ngày 01/01/2021	2.529.285.000	865.871.629	3.395.156.629
Khấu hao trong kỳ	-	-	-
Tặng khác	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
Giảm khác	-	-	-
<b>Tại ngày 30/06/2021</b>	<b>2.529.285.000</b>	<b>865.871.629</b>	<b>3.395.156.629</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại ngày 01/01/2021	-	-	-
<b>Tại ngày 30/06/2021</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

Trong đó: Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng: 3.395.156.629 VND (Ngày 31/12/2020 là 3.395.156.629 VND).

**5.8 Tăng giảm tài sản cố định vô hình**

	<i>Dây chuyền công nghệ</i>	<i>Phần mềm máy tính</i>	<i>Tổng cộng</i>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Tại ngày 01/01/2021	-	2.345.000.000	2.345.000.000
Mua trong kỳ	-	-	-
Tặng khác	-	-	-
Giảm khác	-	-	-
<b>Tại ngày 30/06/2021</b>	<b>-</b>	<b>2.345.000.000</b>	<b>2.345.000.000</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Tại ngày 01/01/2021	-	2.345.000.000	2.345.000.000
Khấu hao trong kỳ	-	-	-
Tặng khác	-	-	-
Giảm khác	-	-	-
<b>Tại ngày 30/06/2021</b>	<b>-</b>	<b>2.345.000.000</b>	<b>2.345.000.000</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại ngày 01/01/2021	-	-	-
<b>Tại ngày 30/06/2021</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

Trong đó: Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 2.345.000.000 VND. (Ngày 31/12/2020 là 2.345.000.000 VND).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2021

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)****5.9 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	01/01/2021	Số phải nộp	Số đã nộp	30/06/2021
Thuế thu nhập cá nhân	22.406.600	7.400.000	(1.200.000)	28.606.600
<b>Tổng</b>	<b>22.406.600</b>	<b>7.400.000</b>	<b>(1.200.000)</b>	<b>28.606.600</b>

**5.10 Chi phí phải trả**

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Chi phí phải trả khác	785.753.542	785.753.542	778.074.713	778.074.713
+ Phí lưu ký chứng khoán	785.753.542	785.753.542	778.074.713	778.074.713
<b>Tổng</b>	<b>785.753.542</b>	<b>785.753.542</b>	<b>778.074.713</b>	<b>778.074.713</b>

**5.11 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Kinh phí công đoàn	231.636.750	231.636.750	223.932.750	223.932.750
Các khoản phải trả phải nộp khác	1.658.213.393	1.658.213.393	1.182.482.273	1.182.482.273
+ Ông Phan Minh Hoàn (*)	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000
+ Khoản tiền phạt phải trả	-	-	70.000.000	70.000.000
+ Khoản phải trả giao dịch CK	546.138.120	546.138.120	-	-
+ Khoản phải trả khác	112.075.273	112.075.273	112.482.273	112.482.273
<b>Tổng</b>	<b>1.889.850.143</b>	<b>1.889.850.143</b>	<b>1.406.415.023</b>	<b>1.406.415.023</b>

(\*): Ông Phan Minh Hoàn góp thêm vốn theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 02/2017/ĐHCD - NQ về việc tăng vốn điều lệ từ 25 tỷ lên thành 35 tỷ đồng.

01-01-2021  
CÔNG  
TY  
QUẢN LÝ  
QUỸ LỘC  
VIỆT  
KIỂM  
TOÁN  
CHÍNH  
TRỊ  
MIỀN  
BẮC

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2021

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)****5.12 Tiền gửi của nhà ủy thác đầu tư**

	30/06/2021	01/01/2021
Ngân hàng TMCP Tiên Phong		
+ Số dư đầu kỳ	5.429.937	5.584.308
+ Số tăng trong kỳ	2.707	10.629
+ Số giảm trong kỳ	5.432.644	165.000
+ Số dư cuối kỳ	-	5.429.937
Ngân hàng phát triển nhà đồng bằng sông Cửu Long lưu ký tại Ngân hàng Tiên Phong		
+ Số dư đầu kỳ	22.661.832.600	22.618.024.696
+ Số tăng trong kỳ	11.302.220	43.972.904
+ Số giảm trong kỳ	-	165.000
+ Số dư cuối kỳ	22.673.134.820	22.661.832.600
Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại Thạch Hà		
+ Số dư đầu kỳ	226.044.777	225.701.722
+ Số tăng trong kỳ	225.515	453.055
+ Số giảm trong kỳ	27.500	110.000
+ Số dư cuối kỳ	226.242.792	226.044.777
Các nhà đầu tư khác		
+ Số dư đầu kỳ	-	-
+ Số dư cuối kỳ	-	-
<b>Tổng</b>	<b>22.899.377.612</b>	<b>22.893.307.314</b>

CÔNG TY  
 THƯƠNG MẠI  
 VÀ DỊCH VỤ  
 THẠCH HÀ  
 SỐ 01 BÀ TRIỆU  
 HOÀN KIẾM  
 HÀ NỘI  
 VIỆT NAM

CÔNG TY  
 THƯƠNG MẠI  
 VÀ DỊCH VỤ  
 THẠCH HÀ  
 SỐ 01 BÀ TRIỆU  
 HOÀN KIẾM  
 HÀ NỘI  
 VIỆT NAM



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2021

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)****5.13 Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác****5.13.1 Nhà đầu tư ủy thác trong nước**

	<u>30/06/2021</u>	<u>01/01/2021</u>
Cổ phiếu niêm yết	509.590.000	509.590.000
+ PVX: Tổng công ty xây lắp dầu khí Việt Nam	509.590.000	509.590.000
Cổ phiếu không niêm yết	32.684.978.833	32.684.978.833
+ Công ty CP Đầu tư thương mại Đất Mây Mẫn	18.785.945.500	18.785.945.500
+ Công ty chứng khoán ngân hàng DBS Cửu Long	4.600.000.000	4.600.000.000
+ Công ty CP bảo hiểm AAA	299.033.333	299.033.333
+ Công ty cổ phần Intellplus Việt Nam	9.000.000.000	9.000.000.000
+ Công ty CP bất động sản Liên Á	-	-
Trái phiếu	-	170.000.000.000
+ Công ty CP đầu tư An Lộc	-	170.000.000.000
+ Công ty CP Đầu tư và thương mại Thạch Hà	-	-
+ Công ty TNHH Tập đoàn Thiên Thanh	-	-
+ Công ty CP Đầu tư và thương mại Minh Quang	-	-
Các khoản đầu tư khác	6.146.161.515	6.029.551.638
<b>Tổng</b>	<b><u>39.340.730.348</u></b>	<b><u>209.224.120.471</u></b>

**5.14 Các khoản phải thu của nhà ủy thác đầu tư**

	<u>30/06/2021</u>	<u>01/01/2021</u>
Lãi phải thu của nhà UT Ngân hàng TMCP ĐB Sông Cửu Long	9.028.318.891	9.028.318.891
Lãi phải thu của nhà UT Ngân hàng TMCP Tiên Phong	-	5.374.937
Lãi phải thu của nhà UT Vũ Quang Minh	-	-
Lãi phải thu của Công ty CP ĐT & TM Thạch Hà	2.226.270.292	2.226.044.777
Lãi phải thu của nhà UT khác	70.000	70.000
<b>Tổng</b>	<b><u>11.254.659.183</u></b>	<b><u>11.259.808.605</u></b>

**5.15 Các khoản phải trả của nhà ủy thác đầu tư**

	<u>30/06/2021</u>	<u>01/01/2021</u>
Các khoản phải trả khác	13.171.611.577	12.663.583.115
+ Phí quản lý quỹ phải trả	6.518.710.757	6.518.710.757
+ Lỗ đầu tư của MHB	6.651.900.820	6.143.872.358
+ Phải thu khác	1.000.000	1.000.000
<b>Tổng</b>	<b><u>13.171.611.577</u></b>	<b><u>12.663.583.115</u></b>

7-002  
NAMM.S.C.  
THANHM  
1A  
17  
Hd  
9M  
8

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2021

**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Các chỉ tiêu được trình bày theo đơn vị tính là đồng Việt Nam (VND).

**6.1 Chi phí hoạt động kinh doanh, giá vốn hàng bán**

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2021
Chi phí hoạt động quản lý danh mục đầu tư CK	127.990.714
+ <i>Phí lưu ký chứng khoán</i>	7.990.714
+ <i>Các chi phí hoạt động nghiệp vụ khác</i>	120.000.000
Chi phí hoạt động tư vấn đầu tư chứng khoán	-
<b>Tổng</b>	<b>127.990.714</b>

**6.2 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2021
Lãi tiền gửi	94.181.995
Lãi từ kinh doanh chứng khoán	673.653.380
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-
<b>Tổng</b>	<b>767.835.375</b>

**6.3 Chi phí tài chính**

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2021
Lãi tiền vay	-
Lỗ từ hoạt động tự doanh chứng khoán	259.611.517
Dự phòng giảm giá/(Hoàn nhập DP giảm giá các khoản đầu tư)	(371.767.359)
<b>Tổng</b>	<b>(112.155.842)</b>

- 010  
CÔNG  
TY  
KIỂM  
SỐ  
PA VII  
CHI N  
MIẾ  
HỒ H

17/06/2021

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2021

**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)****6.4 Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**Cho kỳ kế toán 6 tháng  
kết thúc ngày 30/06/2021Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trên thu nhập chịu thuế kỳ  
hiện hànhĐiều chỉnh chi phí thuế thu nhập của năm trước vào chi phí thuế  
TNHH của kỳ này**Tổng**

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc năm tài chính.

Dưới đây là bảng chi tiết chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phát sinh trong kỳ của Công ty:

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2021
<b>Lợi nhuận/(lỗ) thuần trước thuế</b>	<b>460.275.374</b>
<b><u>Các điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận/(lỗ) theo kế toán</u></b>	<b>-</b>
<u>Các khoản điều chỉnh tăng</u>	-
Các khoản phạt	-
Chi phí quảng cáo vượt quá mức cho phép	-
Chi phí không hợp lý, hợp lệ	-
<u>Các khoản điều chỉnh giảm</u>	-
Thu nhập từ hoạt động không thuộc diện nộp thuế TNDN	-
Doanh thu đã tính vào thu nhập chịu thuế của (các) năm trước	-
Chi phí liên quan đến doanh thu chưa thực hiện tính vào thu nhập chịu thuế	-
<b>Lợi nhuận/(lỗ) điều chỉnh trước thuế chưa trừ lỗ kỳ trước</b>	<b>460.275.374</b>
Lỗ kỳ trước chuyển sang	(460.275.374)
<b>Thu nhập chịu thuế ước tính kỳ hiện hành</b>	<b>-</b>
Thuế TNDN phải trả ước tính kỳ hiện hành	-
<b>Thuế TNDN phải trả đầu kỳ</b>	<b>(80.454.365)</b>
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu (thừa) năm trước	-
Thuế TNDN đã trả trong kỳ	-
<b>Thuế TNDN phải trả cuối kỳ</b>	<b>(80.454.365)</b>

19179  
 3 TY  
 HH  
 TOÁN  
 NAM  
 HÁNH  
 BẮC  
 NỘI-VP

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2021

**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)****6.5 Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu:

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thức ngày 30/06/2021
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	460.275.374
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty	460.275.374
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	2.500.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>184,11</b>

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được xác định như sau:

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thức ngày 30/06/2021
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu kỳ	2.500.000
Số lượng cổ phiếu phát hành thêm lưu hành trong kỳ	-
Trừ: Số lượng cổ phiếu quỹ bình quân mua lại trong kỳ	-
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	2.500.000

**7. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH****7.1 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính**

Các hoạt động của Công ty khiến cho Công ty phải chịu rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản. Chính sách quản lý rủi ro tài chính chung của Công ty tập trung vào việc dự đoán các biến động không mong muốn của thị trường và tập trung làm giảm các tác động xấu đối với kết quả kinh doanh của Công ty.

**Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có các loại rủi ro: rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác, ví dụ như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm tiền gửi, các khoản đầu tư ngắn hạn. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

**Rủi ro lãi suất**

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

**Rủi ro về giá cổ phiếu**

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý giá rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Ban Giám đốc cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.



15/11/2021

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2021

### 7. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

#### 7.1 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính (Tiếp theo)

##### *Rủi ro tín dụng*

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Rủi ro tín dụng được đánh giá ở mức thấp. Công ty có rủi ro tín dụng từ các khoản tiền gửi ngân hàng, phải thu từ hoạt động quản lý quỹ và các khoản đầu tư tài chính. Mức rủi ro tín dụng tối đa đối với mỗi nhóm tài sản tài chính bằng với giá trị ghi sổ của nhóm công cụ tài chính đó trên bảng cân đối kế toán.

##### *Tiền gửi ngân hàng*

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

##### *Phải thu từ hoạt động quản lý quỹ*

Các khoản phải thu từ hoạt động quản lý quỹ có số liệu như đã trình bày trên báo cáo tài chính.

##### *Đầu tư tài chính*

Các khoản đầu tư tài chính của công ty bị giảm giá và Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tại thời điểm lập báo cáo tài chính của Công ty.

##### *Rủi ro thanh khoản*

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những thay đổi các luồng tiền.

Đ  
C  
T  
K  
P  
C  
M  
H

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2021

**7. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****7.1 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính (Tiếp theo)****Rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)**

Thông tin thời gian đáo hạn của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các giá trị thanh toán chưa chiết khấu theo hợp đồng như sau:

	<i>Không kỳ hạn</i>	<i>Dưới 1 năm</i>	<i>Từ 1 - 5 năm</i>	<i>Tổng cộng</i>
<b>Ngày 30/06/2021</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	104.250.051	1.100.000.000	-	1.204.250.051
Các khoản đầu tư	-	7.452.962.376	-	7.452.962.376
Phải thu HĐNV và phải thu khác	-	7.107.477.976	-	7.107.477.976
Tài sản tài chính khác	-	-	-	-
<b>Tổng</b>	<b>104.250.051</b>	<b>15.660.440.352</b>	<b>-</b>	<b>15.764.690.403</b>
<b>Ngày 30/06/2021</b>				
Phải trả khác	-	1.889.850.143	-	1.889.850.143
Chi phí phải trả	-	785.753.542	-	785.753.542
<b>Tổng</b>	<b>-</b>	<b>2.675.603.685</b>	<b>-</b>	<b>2.675.603.685</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>104.250.051</b>	<b>12.984.836.667</b>	<b>-</b>	<b>13.089.086.718</b>
	<i>Không kỳ hạn</i>	<i>Dưới 1 năm</i>	<i>Từ 1 - 5 năm</i>	<i>Tổng cộng</i>
<b>Ngày 01/01/2021</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.587.052.140	-	-	2.587.052.140
Các khoản đầu tư	-	6.651.587.501	-	6.651.587.501
Phải thu HĐNV và phải thu khác	-	6.559.521.990	-	6.559.521.990
Tài sản tài chính khác	-	-	-	-
<b>Tổng</b>	<b>2.587.052.140</b>	<b>13.211.109.491</b>	<b>-</b>	<b>15.798.161.631</b>
<b>Ngày 01/01/2021</b>				
Phải trả khác	-	1.406.415.023	-	1.406.415.023
Chi phí phải trả	-	778.074.713	-	778.074.713
<b>Tổng</b>	<b>-</b>	<b>2.184.489.736</b>	<b>-</b>	<b>2.184.489.736</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>2.587.052.140</b>	<b>11.026.619.755</b>	<b>-</b>	<b>13.613.671.895</b>

**7.2 Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính**

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty:

	<i>Giá trị ghi sổ</i>		<i>Giá trị hợp lý</i>	
	<b>30/06/2021</b>	<b>01/01/2021</b>	<b>30/06/2021</b>	<b>01/01/2021</b>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>	<i>VND</i>	<i>VND</i>
<b>Tài sản tài chính</b>				
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	7.452.962.376	6.651.587.501	7.452.962.376	6.651.587.501
Phải thu hoạt động nghiệp vụ	6.518.710.757	6.518.710.757	6.518.710.757	6.518.710.757
Phải thu khác	588.767.219	40.811.233	588.767.219	40.811.233
Tài sản tài chính khác	-	-	-	-
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.204.250.051	2.587.052.140	1.204.250.051	2.587.052.140
<b>Tổng</b>	<b>15.764.690.403</b>	<b>15.798.161.631</b>	<b>15.764.690.403</b>	<b>15.798.161.631</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2021

### 7. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

#### 7.2 Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính (Tiếp theo)

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	30/06/2021	01/01/2021	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND	VND	VND
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Vay và nợ	-	-	-	-
Chi phí phải trả	785.753.542	778.074.713	785.753.542	778.074.713
Phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	1.889.850.143	1.406.415.023	1.889.850.143	1.406.415.023
<b>Tổng</b>	<b>2.675.603.685</b>	<b>2.184.489.736</b>	<b>2.675.603.685</b>	<b>2.184.489.736</b>

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây được sử dụng để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu hoạt động nghiệp vụ, các khoản phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các cổ phiếu niêm yết được xác định dựa trên giá công bố tại ngày lập báo cáo.

### 8. THÔNG TIN KHÁC

#### 8.1 Thông tin về các bên có liên quan

Các bên liên quan:

Các bên được xem là các bên liên quan khi một bên có khả năng kiểm soát phía bên kia hoặc tạo ra ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong các quyết định về tài chính và kinh doanh. Các bên có liên quan là các doanh nghiệp kể cả công ty mẹ, công ty con, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2021, các thành viên trong Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty được nhận biết là bên liên quan đến Công ty. Tuy nhiên, trong năm Công ty không phát sinh giao dịch với các bên có liên quan.

Thù lao trả cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc của Công ty phát sinh trong kỳ, chi tiết như sau:

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2021
Tiền lương và phụ cấp	120.000.000
Tiền thưởng	-
Các khoản khác	-
<b>Tổng</b>	<b>120.000.000</b>

17917  
Y  
IN  
AM  
H  
C  
H  
VIET

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2021

**8. THÔNG TIN KHÁC (Tiếp theo)****8.2 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ**

Đại hội cổ đông của Công ty đã ra quyết định tạm dừng hoạt động của đơn vị trong vòng 02 năm kể từ tháng 7/2016 để thay đổi các cổ đông hiện tại, tìm đối tác chiến lược có năng lực tham gia tái cấu trúc Công ty theo biên bản họp ngày 24/5/2016. Tuy nhiên đến thời điểm hiện tại, Công ty chưa hoàn tất việc thương thảo với cổ đông mới về cách thức góp vốn và tham gia của các cổ đông mới vào hoạt động của Công ty. Mặt khác, Công ty đang bị đình chỉ hoạt động từ ngày 04/9/2019 đến ngày 03/03/2020 theo quyết định số 676/QĐ - UBCK của Ủy ban chứng khoán Nhà nước ngày 04/9/2019. Nhằm khắc phục tình trạng trên, Công ty đã thống nhất việc tăng vốn điều lệ từ 25 tỷ lên 50 tỷ theo phương án phát hành riêng lẻ cho cổ đông hiện hữu. Hồ sơ tăng vốn đã được gửi theo công văn số 03/CV - LC ngày 03/03/2020 và hồ sơ tăng vốn ngày 9/2/2021 gửi Ủy ban chứng khoán Nhà nước. Hiện nay Ủy ban chứng khoán Nhà nước đang xem xét phê duyệt. Do đó, báo cáo tài chính của Công ty đang được lập trên cơ sở giả định hoạt động không liên tục.

**8.3 Thông tin về cổ phiếu**

Mệnh giá của cổ phiếu: mệnh giá cổ phiếu của Công ty là 10.000 VND/1 cổ phiếu.

**8.4 Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ và các thuyết minh liên quan là số liệu Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM chi nhánh Miền Bắc.

Do Công ty đang bị đình chỉ hoạt động từ ngày 04/9/2019 đến ngày 03/03/2020 theo quyết định số 676/QĐ - UBCK của Ủy ban chứng khoán Nhà nước ngày 04/9/2019 nên báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày theo cơ sở giả định hoạt động không liên tục nên không có số liệu so sánh.

Hà Nội, ngày 16 tháng 08 năm 2021



Nguyễn Kim Cẩm Vân  
Người lập



Nguyễn Kim Cẩm Vân  
Kế toán trưởng



Nguyễn Quang Vinh  
Tổng Giám đốc